

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
BÀ RỊA – VŨNG TÀU

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 34
8. Phụ lục	35

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty cấp nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 1855/QĐ.UB ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) được thành lập theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000479, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại : (84-64) 3 838 324
- Fax : (84-64) 3 833 636

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp xây lắp	Số 359, đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp cấp nước Vũng Tàu	Số 359, đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Bà Rịa	Số 4, đường Điện Biên Phủ, phường Phước Hưng, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Xuyên Mộc	Thôn Thanh Sơn, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Châu Đức	Thôn Thạch Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp cấp nước Long Điền	Ngã ba Lò Vôi, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp sản xuất nước	Khu phố 4, phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại;
- Sản xuất các sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông;
- Mua bán vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch và hoạt động thể thao;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Duy tu bảo dưỡng đường bộ, trạm, vĩa, sửa chữa mặt đường, vỉa hè;
- Gia công cơ khí;
- Cung cấp phần mềm tin học quản lý hệ cấp nước, cài đặt hướng dẫn sử dụng và bảo hành;
- Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, vận hành nhà máy cấp nước;
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh theo quy định của Nhà nước.



Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Lương Điền	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Võ Văn Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Bà Lê Minh Đức	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Tiến Lạng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Như Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Châu Trục	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Châu Trục	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Khắc Vinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Chiến Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đinh Chí Đức	Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Tiến Lạng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Lương Điền	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 01 năm 2013

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Chí Đức – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

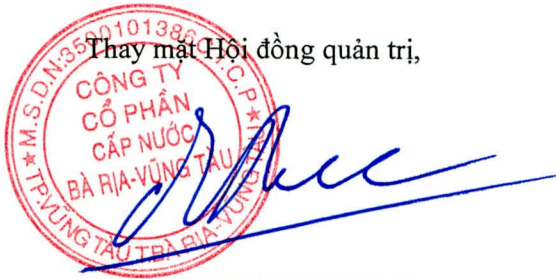
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đinh Chí Đức
Chủ tịch

Ngày 07 tháng 11 năm 2016





Số: 0911/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 10 năm 2016, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		264.033.496.944	172.015.289.821
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	82.305.049.194	63.122.578.713
1. Tiền	111		2.505.049.194	2.972.578.713
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.800.000.000	60.150.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		60.150.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	60.150.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.414.041.238	71.214.294.194
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	48.837.588.358	50.716.642.685
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.089.524.625	1.126.607.898
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	21.500.000.000	20.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.949.892.255	334.007.611
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(962.964.000)	(962.964.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	36.486.103.026	34.722.204.913
1. Hàng tồn kho	141		36.486.103.026	34.722.204.913
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.678.303.486	2.956.212.001
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.677.795.406	2.956.212.001
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	508.080	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.135.611.968	328.576.275.113
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000.000	18.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	3.000.000.000	18.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		276.130.547.738	267.441.576.194
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	276.130.547.738	267.441.576.194
- Nguyên giá	222		847.335.097.309	790.652.977.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(571.204.549.571)	(523.211.401.363)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		1.913.734.819	1.913.734.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.913.734.819)	(1.913.734.819)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.522.305.346	2.651.940.035
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	10.522.305.346	2.651.940.035
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		40.482.758.884	40.482.758.884
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	35.138.387.984	35.138.387.984
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	5.344.370.900	5.344.370.900
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		594.169.108.912	500.591.564.934

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		112.030.303.408	132.615.080.824
I. Nợ ngắn hạn	310		105.582.412.250	125.852.658.390
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	24.332.158.525	20.933.622.088
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	22.248.488.147	6.800.891.248
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	17.574.163.940	13.555.192.890
4. Phải trả người lao động	314	V.14	24.732.066.312	33.060.235.192
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	8.869.880.986	8.057.992.700
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	638.908.636	30.583.843.244
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	3.145.312.785	2.830.781.509
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.041.432.919	10.030.099.519
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.447.891.158	6.762.422.434
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	6.447.891.158	6.762.422.434
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		482.138.805.504	367.976.484.110
I. Vốn chủ sở hữu	410		482.138.805.504	367.976.484.110
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	372.000.000.000	360.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372.000.000.000	360.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.611.402.000	1.611.402.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	6.031.447.436	6.031.447.436
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	102.495.956.068	333.634.674
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	333.634.674
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		102.495.956.068	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		594.169.108.912	500.591.564.934

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 12 tháng 10 năm 2016



Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng



Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	391.660.844.945	321.365.218.171
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		391.660.844.945	321.365.218.171
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	209.992.732.502	179.229.076.107
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		181.668.112.443	142.136.142.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.225.607.141	6.227.674.511
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	36.180.929.714	25.646.148.501
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	24.413.499.986	24.957.790.151
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		132.299.289.884	97.759.877.923
11. Thu nhập khác	31	VI.6	648.229.700	805.468.816
12. Chi phí khác	32	VI.7	651.407.691	646.531.409
13. Lợi nhuận khác	40		(3.177.991)	158.937.407
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		132.296.111.893	97.918.815.330
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	25.133.790.499	20.718.964.977
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		107.162.321.394	77.199.850.353
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.456	1.823
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.456	1.823

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 12 tháng 10 năm 2016


Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu


Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng


Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		132.296.111.893	97.918.815.330
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	49.272.050.997	49.924.228.381
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.6	(11.038.822.318)	(6.226.244.871)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		170.529.340.572	141.616.798.840
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.236.459.390)	(183.514.238.262)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.763.898.113)	(29.446.769.179)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.756.881.294	185.562.518.721
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	28.325.454
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(21.694.194.129)	(23.865.984.485)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(10.988.666.600)	(9.426.252.477)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		139.603.003.634	80.954.398.612
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.10; VII	(67.427.675.602)	(60.438.109.017)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9; VI.6	34.545.454	127.272.726
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(60.150.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3; VI.6	10.415.185.475	6.420.270.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(103.627.944.673)	(53.890.565.535)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.19	12.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16; V.19	(28.792.588.480)	(38.009.025.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.792.588.480)	(38.009.025.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		19.182.470.481	(10.945.191.923)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		63.122.578.713	55.489.994.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		82.305.049.194	44.544.802.241

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 12 tháng 10 năm 2016



Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng




Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại; xây dựng công trình cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất nước sạch	28,44%	28,44%	28,44%
Công ty cổ phần thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC)	262 Lê Lợi, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Dịch vụ du lịch	35%	35%	35%
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức ⁽ⁱ⁾	Khu công nghiệp đô thị Châu Đức, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất nước sạch	10,38%	10,38%	10,38%

- (i) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức ít hơn 20% nhưng Công ty có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp xây lắp	Số 359, đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp cấp nước Vũng Tàu	Số 359, đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Bà Rịa	Số 4, đường Điện Biên Phủ, phường Phước Hưng, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh cấp nước Xuyên Mộc	Thôn Thanh Sơn, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh cấp nước Châu Đức	Thôn Thạch Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp cấp nước Long Điền	Ngã ba Lò Vôi, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Xí nghiệp sản xuất nước	Khu phố 4, phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 442 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 432 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp nước

Doanh thu cung cấp nước được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

12. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	376.745.976	517.869.127
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.128.303.218	2.454.709.586
Các khoản tương đương tiền ^(*)	79.800.000.000	60.150.000.000
Cộng	82.305.049.194	63.122.578.713

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 12 tháng trở xuống.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	35.138.387.984	-	35.138.387.984	-
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ⁽ⁱ⁾	18.688.387.984	-	18.688.387.984	-
Công ty cổ phần thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC) ⁽ⁱⁱ⁾	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức (iii)	13.650.000.000	-	13.650.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.344.370.900	-	5.344.370.900	-
Công ty cổ phần dịch vụ môi trường và công trình đô thị Vũng Tàu ^(iv)	5.344.370.900	-	5.344.370.900	-
Cộng	40.482.758.884	-	40.482.758.884	-

(i) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 18.688.387.984 VND tương đương 4.550.044 cổ phiếu, chiếm 28,44% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500672245, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC) 2.800.000.000 VND, tương đương 280.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ.

(iii) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức 13.650.000.000 VND tương đương 1.350.000 cổ phiếu, chiếm 11,74% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức đã phát hành thêm cổ phiếu ra bên ngoài để tăng vốn điều lệ lên 130.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 10,38% vốn điều lệ.

(iv) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần dịch vụ môi trường và công trình đô thị Vũng Tàu 5.344.370.900 VND tương đương 515.803 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 9,55% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu		
Cung cấp nước	1.329.944.000	5.573.302.800
Cổ tức phải trả	-	1.501.500.000
Cổ tức được chia	3.640.035.200	3.327.220.000
Xây lắp công trình	14.003.761.390	-
Công ty cổ phần thể thao Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	105.000.000	105.000.000
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức		
Cung cấp dịch vụ vận hành	1.485.000.000	1.485.000.000
Lãi tiền cho vay	1.273.972.222	1.464.161.112
Cổ tức được chia	2.160.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>945.250.000</i>	<i>415.773.540</i>
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức	945.250.000	-
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	-	415.773.540
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>47.892.338.358</i>	<i>50.300.869.145</i>
Phải thu khách hàng cung cấp nước	44.512.689.822	46.090.246.471
Phải thu khách hàng thi công, lắp đặt	3.187.880.047	4.210.622.674
Các khách hàng khác	191.768.489	-
Cộng	48.837.588.358	50.716.642.685

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH xây dựng Lưu Nguyễn	1.596.287.750	-
Công ty cổ phần đầu tư thương mại quốc tế CPT	2.179.080.000	400.000.000
Công ty TNHH kỹ nghệ Bình Nguyên	2.633.626.000	-
Công ty cổ phần nước, môi trường và hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	-	234.510.375
Công ty TNHH may thuê giấy An Phước	-	230.000.000
Các nhà cung cấp khác	4.680.530.875	262.097.523
Cộng	11.089.524.625	1.126.607.898

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức (là bên liên quan) vay dài hạn đến hạn phải thu.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức (là bên liên quan) vay với thời hạn cho vay là 36 tháng (đã được gia hạn thời gian trả nợ thêm 01 năm), lãi suất 7%/năm trong 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và bằng lãi suất tiết kiệm 3 tháng trả sau cộng lãi suất biên từ tháng thứ 7 trở đi. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được áp dụng cho toàn bộ số dư nợ gốc thực tế.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	910.390.000	-	321.298.611	-
Tạm ứng	880.000.000	-	1.275.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	159.502.255	-	11.434.000	-
Cộng	1.949.892.255	-	334.007.611	-

7. Nợ xấu

Công ty có khoản phải thu Công ty TNHH Khang Linh về tiền xây lắp với số tiền là 962.964.000 VND đã quá hạn trên 03 năm. Giá trị có thể thu hồi được của khoản nợ này là 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.283.316.570	-	15.158.454.780	-
Công cụ, dụng cụ	10.011.909	-	20.395.221	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.192.774.547	-	19.543.354.912	-
Cộng	36.486.103.026	-	34.722.204.913	-

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	171.104.400.779	85.883.508.093	528.914.464.012	4.750.604.673	790.652.977.557
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.354.955.668	3.760.542.514	52.188.656.631	656.867.728	57.961.022.541
Thanh lý, nhượng bán	(655.040.000)	(202.974.000)	(371.108.789)	(49.780.000)	(1.278.902.789)
Số cuối kỳ	171.804.316.447	89.441.076.607	580.732.011.854	5.357.692.401	847.335.097.309
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	31.823.004.747	63.585.854.175	219.969.810.699	4.306.064.673	319.684.734.294
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	92.962.886.495	71.835.502.937	354.219.903.976	4.193.107.955	523.211.401.363
Khấu hao trong kỳ	9.913.840.358	6.977.110.521	31.928.817.977	452.282.141	49.272.050.997
Thanh lý, nhượng bán	(655.040.000)	(202.974.000)	(371.108.789)	(49.780.000)	(1.278.902.789)
Số cuối kỳ	102.221.686.853	78.609.639.458	385.777.613.164	4.595.610.096	571.204.549.571
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	78.141.514.284	14.048.005.156	174.694.560.036	557.496.718	267.441.576.194
Số cuối kỳ	69.582.629.594	10.831.437.149	194.954.398.690	762.082.305	276.130.547.738
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	5.237.662.456	(5.237.662.456)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	2.651.940.035	60.593.725.396	(52.723.360.085)	10.522.305.346
- Công trình tuyến nước thô D 1000	532.807.312	41.946.509.006	(42.479.316.318)	-
- Công trình tuyến HDPE D225 đường Hạ Long	980.573.519	1.717.631.005	(2.698.204.524)	-
- Công trình lắp đặt tủ điện scada nhà clor nhà máy Hồ Đá Đen.	348.492.261		(348.492.261)	-
- Công trình tuyến ống nước thô HDPE D110 QL55	279.280.581	478.404.893	(757.685.474)	-
- Công trình cải tạo trụ sở Công ty	-	7.854.238.376		7.854.238.376

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Công trình nâng cấp hệ thống nước Ngãi Giao	-	1.083.935.043		1.083.935.043
- Các công trình khác	510.786.362	7.513.007.073	(6.439.661.508)	1.584.131.927
Cộng	2.651.940.035	65.831.387.852	(57.961.022.541)	10.522.305.346

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần nhựa Bình Minh	15.290.727.804	6.712.012.780
Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Thanh Ngân	2.304.713.400	1.845.519.000
Doanh nghiệp tư nhân Sơn Thủy	330.000.000	2.533.634.400
Các nhà cung cấp khác	6.406.717.321	9.842.455.908
Cộng	24.332.158.525	20.933.622.088

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	3.350.000.000
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	-	3.350.000.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	22.248.488.147	3.450.891.248
Ban quản lý dự án giao thông I	7.095.200.000	3.045.000.000
Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn	2.800.000.000	-
Công ty TNHH xây dựng Đông Nam	11.900.000.000	-
Các khách hàng khác	453.288.147	405.891.248
Cộng	22.248.488.147	6.800.891.248

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	617.657.585	-	6.510.737.764	(5.811.956.548)	1.316.438.801	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.099.670.433	-	25.133.790.499	(21.694.194.129)	13.539.266.803	-
Thuế thu nhập cá nhân	425.348.327	-	3.100.804.621	(3.387.923.021)	138.229.927	-
Thuế tài nguyên	27.210.594	-	306.143.332	(299.820.860)	33.533.066	-
Tiền thuê đất	-	-	48.403.457	(48.911.537)	-	508.080
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.385.305.951	-	23.976.147.563	(23.814.758.171)	2.546.695.343	-
Cộng	13.555.192.890	-	59.085.027.236	(55.066.564.266)	17.574.163.940	508.080

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước	05%
- Thi công, lắp đặt	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	132.296.111.893	97.918.815.330
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	132.296.111.893	97.918.815.330
Thu nhập được miễn thuế	(6.627.159.400)	(3.741.701.800)
Thu nhập tính thuế	125.668.952.493	94.177.113.530
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	25.133.790.499	20.718.964.977

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khai thác nước dưới mặt đất với các mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước dưới đất khai thác dùng vào mục đích khác	01%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất	03%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

- Mức phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Mức phí nước thải công nghiệp nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được xây dựng dựa trên đơn giá tiền lương 1.800 VND/m³ nước thương phẩm theo quyết định của Hội đồng quản trị số 03-2016/BBH-HĐQT ngày 10 tháng 7 năm 2016.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí nước thô	3.843.929.700	8.025.942.600
Trích trước chi phí công trình	4.999.798.286	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	26.153.000	32.050.100
Cộng	8.869.880.986	8.057.992.700

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	363.800
Cổ tức phải trả	7.411.520	28.800.000.000
Phí nước thải được hưởng	631.497.116	1.783.479.444
Cộng	638.908.636	30.583.843.244

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.17b).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.830.781.509	2.516.250.233
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	314.531.276	314.531.276
Số cuối kỳ	3.145.312.785	2.830.781.509

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam) 9.593.203.943 VND để thực hiện thanh toán phí tư vấn trong nước của dự án Hệ thống cấp nước Hồ Đá Đen giai đoạn I. Khoản vay này là một phần trong thỏa thuận vay giữa Quỹ hợp tác kinh tế hải ngoại Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được ký kết ngày 30 tháng 3 năm 1998 cho Dự án cấp nước miền Nam Việt Nam (thuộc tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu). Theo thỏa thuận này, thời gian hoàn vốn vay là 30 năm kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2008, mỗi năm trả làm 2 đợt vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9. Hiện nay, Công ty không nhận được thông báo lịch thu nợ cụ thể cũng như thông báo số dư nợ từ Ngân hàng phát triển Việt Nam cũng như từ Bộ Tài chính.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.145.312.785	2.830.781.509
Trên 01 năm đến 05 năm	1.258.125.104	1.258.125.104
Trên 05 năm	5.189.766.054	5.504.297.330
Tổng nợ	9.593.203.943	9.593.203.943

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	6.762.422.434	7.076.953.710
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(314.531.276)	(314.531.276)
Số cuối kỳ	6.447.891.158	6.919.688.072

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng, phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	10.030.099.519	10.921.276.338
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.000.000.000	6.000.000.000
Chi quỹ	(10.988.666.600)	(9.426.252.477)
Giảm do khấu hao	-	(466.330.872)
Số cuối kỳ	4.041.432.919	7.028.692.989

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	182.693.870.000	182.693.870.000
Các cổ đông khác	189.306.130.000	177.306.130.000
Cộng	372.000.000.000	360.000.000.000

Trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu phổ thông cho công nhân viên của Công ty để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 02 tháng 4 năm 2016. Số lượng cổ phiếu đã bán được là 1.200.000. Ngày 03 tháng 02 năm 2016 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 372.000.000.000 VND.

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.200.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	37.200.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.200.000	36.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.200.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.200.000	36.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2016, Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	VND
• Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (06% lợi nhuận sau thuế)	: 5.886.500.612
• Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế)	: 14.716.251.530
• Chia cổ tức cho các cổ đông (8% mệnh giá)	: 28.800.000.000

(*) Việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận đã được thực hiện trong năm 2015.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

Công ty có nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến khoản nợ phải thu tiền lắp đặt của Trung tâm thương mại Châu Đức với số tiền 130.708.100 VND đã được xóa sổ do Trung tâm này đã giải thể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước thành phẩm	366.552.101.230	318.514.999.682
Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt	23.600.950.715	1.365.218.489
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.507.793.000	1.485.000.000
Cộng	391.660.844.945	321.365.218.171

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn nước thành phẩm	187.119.899.025	177.736.423.585
Giá vốn lắp đặt	22.848.917.276	792.053.166
Giá vốn cung cấp dịch vụ	23.916.201	700.599.356
Cộng	209.992.732.502	179.229.076.107

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.103.145.242	893.109.233
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	221.330.277	128.702.366
Lãi tiền cho vay	1.273.972.222	1.464.161.112
Cổ tức được chia	6.627.159.400	3.741.701.800
Cộng	11.225.607.141	6.227.674.511

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	10.485.677.198	9.425.077.863
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	33.710.455
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	124.961.727
Chi phí bảo hành	14.211.062.062	10.013.771.002
Chi phí cải tạo, sửa chữa nhỏ đường ống	9.383.764.851	5.489.992.542
Chi phí bằng tiền khác	2.100.425.603	558.634.912
Cộng	36.180.929.714	25.646.148.501

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.852.908.202	8.432.774.307
Chi phí vật liệu quản lý	948.201.065	1.499.672.168
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.405.349.335	2.392.052.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.221.218.422	2.174.827.660
Thuế, phí và lệ phí	294.240.202	276.134.894
Chi phí tiếp khách	4.720.263.627	2.893.087.480
Chi phí hành chính	2.628.685.782	2.796.825.190
Các chi phí khác	6.342.633.351	4.492.416.133
Cộng	24.413.499.986	24.957.790.151

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	34.545.454	127.272.726
Thu chuyển nhượng vật tư	2.383.636	167.258.868
Thu tiền điện	611.300.609	510.937.220
Thu nhập khác	1	2
Cộng	648.229.700	805.468.816

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vật tư chuyển nhượng	40.107.082	135.579.189
Chi phí tiền điện cung cấp ra bên ngoài	611.300.609	510.937.220
Chi phí khác	-	15.000
Cộng	651.407.691	646.531.409

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	107.162.321.394	77.199.850.353
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(16.074.348.209)	(11.579.977.553)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	91.087.973.185	65.619.872.800
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	37.081.319	36.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.456	1.823

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.274.158.172	83.236.442.485
Chi phí nhân công	78.468.003.652	85.174.954.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.272.050.997	- 49.924.228.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.950.590.779	13.493.111.737
Chi phí khác	28.727.937.825	22.878.208.585
Cộng	247.692.741.425	254.706.945.849

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã ứng trước tiền sửa chữa, nâng cấp văn phòng với tổng giá trị là 1.596.287.750 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.665.530.000	2.426.992.000
Tiền thưởng	2.226.983.000	2.010.546.000
Cộng	4.892.513.000	4.437.538.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thể thao Vũng Tàu (tiền thân là Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là liên kết.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 93,59% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 03-2016/BBH-HĐQT ngày 15 tháng 7 năm 2016, Công ty sẽ tiếp tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 462 tỷ VND trong quý 4 năm 2016 theo kế hoạch đã được phê duyệt bởi Đại hội cổ đông năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 12 tháng 10 năm 2016



Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng



Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc

5-C
TY
DU HẠ
TƯ VÀ
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	273.000.000.000	1.611.402.000	17.144.946.824	48.928.043.284	340.684.392.108
Tăng vốn từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển	87.000.000.000	-	(17.000.000.000)	(70.000.000.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	77.199.850.353	77.199.850.353
Trích lập các quỹ	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(27.300.000.000)	(27.300.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	360.000.000.000	1.611.402.000	144.946.824	22.827.893.637	384.584.242.461
Số dư đầu năm nay	360.000.000.000	1.611.402.000	6.031.447.436	333.634.674	367.976.484.110
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	12.000.000.000	-	-	-	12.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	107.162.321.394	107.162.321.394
Trích lập các quỹ	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	372.000.000.000	1.611.402.000	6.031.447.436	102.495.956.068	482.138.805.504

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 12 tháng 10 năm 2016



Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng

Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc

